

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~116~~/UBDT- CSDT

V/v thực hiện Quyết định  
102/2009/QĐ-TTg năm 2017

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh các tỉnh, thành phố  
vùng dân tộc thiểu số và miền núi,

Thực hiện Quyết định 1259/QĐ-TTg ngày 22/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo giai đoạn 2017-2018, trong đó Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan tham mưu “Bãi bỏ Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn” trong Quý I năm 2018; Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Các tỉnh, thành phố chưa triển khai thực hiện chính sách theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg năm 2017 cần khẩn trương tổ chức thực hiện theo dự toán đã được giao. Trường hợp thiếu kinh phí, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính để được xem xét, giải quyết.

2. Đối với dự toán chi năm 2018 đã được trung ương giao thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo không thực hiện chính sách năm 2018. Ủy ban Dân tộc sẽ đề nghị Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg năm 2018 cho các chính sách dân tộc khác.

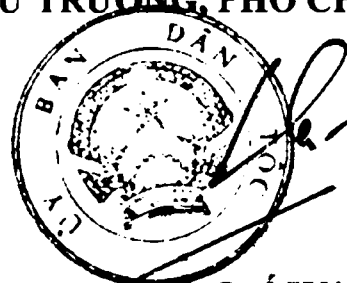
3. Tổ chức triển khai rà soát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ở địa phương; báo cáo tổng kết của các tỉnh, thành phố đề nghị gửi về Ủy ban Dân tộc trước ngày 01/02/2018.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện./. *Chánh*

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Bộ trưởng, chủ nhiệm (để b/c);
- Ban Dân tộc (VP UBND) các tỉnh, TP;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP;
- Công TTĐT UBDT;
- Lưu: VT, CSDT (3b); 176

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Đinh Quế Hải**

DANH SÁCH CÁC TỈNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 102/QĐ-TTg

<1926>

|    |             |    |                   |
|----|-------------|----|-------------------|
| 1  | HÀ GIANG    | 24 | QUẢNG BÌNH        |
| 2  | TUYÊN QUANG | 25 | QUẢNG TRỊ         |
| 3  | CAO BẰNG    | 26 | THỪA THIÊN - HUẾ  |
| 4  | LẠNG SƠN    | 27 | ĐÀ NẴNG           |
| 5  | LAO CAI     | 28 | QUẢNG NAM         |
| 6  | YÊN BÁI     | 29 | QUẢNG NGÃI        |
| 7  | THÁI NGUYÊN | 30 | BÌNH ĐỊNH         |
| 8  | BẮC KẠN     | 31 | PHÚ YÊN           |
| 9  | PHÚ THỌ     | 32 | KHÁNH HÒA         |
| 10 | BẮC GIANG   | 33 | NINH THUẬN        |
| 11 | HÒA BÌNH    | 34 | BÌNH THUẬN        |
| 12 | SƠN LA      | 35 | ĐẮK LẮK           |
| 13 | LAI CHÂU    | 36 | ĐẮK NÔNG          |
| 14 | ĐIỆN BIÊN   | 37 | GIA LAI           |
| 15 | HÀ NỘI      | 38 | KON TUM           |
| 16 | HẢI PHÒNG   | 39 | LÂM ĐỒNG          |
| 17 | QUẢNG NINH  | 40 | ĐỒNG NAI          |
| 18 | HẢI DƯƠNG   | 41 | BÌNH DƯƠNG        |
| 19 | VĨNH PHÚC   | 42 | BÌNH PHƯỚC        |
| 20 | NINH BÌNH   | 43 | TÂY NINH          |
| 21 | THANH HÓA   | 44 | BÀ RỊA - VŨNG TÀU |
| 22 | NGHỆ AN     | 45 | LONG AN           |
| 23 | HÀ TĨNH     | 46 | TIỀN GIANG        |
|    |             | 47 | BẾN TRE           |
|    |             | 48 | TRÀ VINH          |
|    |             | 49 | VĨNH LONG         |
|    |             | 50 | CẦN THƠ           |
|    |             | 51 | HẬU GIANG         |
|    |             | 52 | SÓC TRĂNG         |
|    |             | 53 | AN GIANG          |
|    |             | 54 | ĐỒNG THÁP         |
|    |             | 55 | KIÊN GIANG        |
|    |             | 56 | BẠC LIÊU          |
|    |             | 57 | CÀ MAU            |